

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - . Bà Nguyễn Thị Ánh
 - . Ông Hoàng Xuân Lộc
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: ông Giáp Nguyễn Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T - sinh năm: 1990;
Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã P, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.
Có mặt.
- Bị đơn: Anh Cao Thành G - sinh năm: 1986;
Trú tại: Thôn L, xã Vạn T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 19/9/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Cao Thành G tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007 và đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 27 cấp ngày 07/9/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến năm 2011. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và anh G thường xuyên uống rượu bia không chăm lo gia đình, nhiều lần đánh đập chị T nên vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã. Từ tháng 11 năm 2011 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Mặc dù Tòa án đã nhiều lần giải thích cho chị T về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nhưng chị T vẫn kiên quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định giữa vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Cao Thành G đến Tòa để Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải nhưng anh G đều không có mặt để làm việc theo Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cao Thành G là bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vạn T, huyện N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 07 tháng 9 năm 2009. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị T và anh Cao Thành G được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Cao Thành G. Xét lời khai của chị T thì thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh G có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã, đánh đập, xúc phạm nhau. Từ tháng 11 năm 2011 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai. Như vậy mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã đến hồi trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết

vụ án, anh G đã được Toà án triệu tập họp lệ đến Tòa để Tòa án lấy lời khai và tham gia phiên hòa giải để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng anh G đã không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh G không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa nên việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị T.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù Tòa án đã nhiều lần giải thích cho chị T về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên chị T vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Cao Thành G.

- Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Hồ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013824 ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện N;
- THA dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã Vạn T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hòa Thanh

